TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/DS-ST
Ngày: 28-7-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoa Kiều

Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà: Bà Đinh Thi Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1969;

Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (Tên thường gọi chị T);

Cùng địa chỉ: ấp Bn, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Hồ Thị N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số 82 Ô 2, khu I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Phạm Ngọc H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

Lê Thị Ngọc S, sinh năm 1969 (Tên thường gọi chị 5 S);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Võ Thanh T, sinh năm 1974 (Tên thường gọi 3 R);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nguyễn Thị C, sinh năm 1979 (Tên thường gọi Lượm Châu);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1985 (Tên thường gọi Thùy D);

Địa chỉ: số 320 Ô 1, khu II, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N và anh H có mặt; chị H vắng mặt;

Chị S, anh T, chị C, chị N, ông Đ xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị L là chị Hồ Thị N trình bày:

Trước đây vào năm 2018 và 2019 bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Phạm Ngọc H có chơi hụi do ông H, bà L làm đầu thảo 03 dây hụi, cụ thể:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/6/2018 âm lịch, hụi gồm 20 phần, bà H tham gia 02 phần, dây hụi này mãn vào tháng 01/2020 âm lịch. Bà H đã hốt một phần hụi vào kỳ thứ 5 ngày 20/11/2018 âm lịch với số tiền 29.320.000 đồng; và hốt một phần hụi vào kỳ thứ 13 ngày 20/6/2019 âm lịch với số tiền 33.060.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà H có đóng hụi chết cho 02 phần hụi đến tháng 07/2019 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Dây hụi này bà H còn nợ ông H, bà L 06 kỳ hụi chết với số tiền 06 kỳ x 2.000.000 đồng x 02 phần = 24.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/12/2018 âm lịch, hụi gồm 22 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hụi này mãn vào tháng 08/2020 âm lịch (do có nhuần tháng 04/2020 âm lịch). Bà H đã hốt phần hụi vào kỳ thứ 3 ngày 10/02/2019 âm lịch với số tiền 32.880.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà H có đóng hụi chết cho phần hụi này đến tháng 07/2019 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Dây hụi này bà H còn nợ ông H, bà L14 kỳ hụi chết với số tiền 14 kỳ x 2.000.000 đồng = 28.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/6/2019 âm lịch, hụi gồm 19 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hụi này mãn vào tháng 11/2020 âm lịch (do có

nhuần tháng 4/2020 âm lịch). Bà H đã hốt phần hụi vào kỳ thứ 1 ngày 15/6/2019 âm lịch với số tiền 24.480.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà H có đóng hụi chết cho phần hụi này đến tháng 07/2019 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Dây hụi này bà H còn nợ ông H, bà L 17 kỳ hụi chết với số tiền 17 kỳ x 2.000.000 đồng = 34.000.000 đồng.

Mỗi lần bà H hốt hụi đều có ghi vào sổ của ông H, bà L là đã nhận đủ tiền và ký tên. Bà H hốt hụi để sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình vì bà H buôn bán tại nhà. Tổng cộng 03 dây hụi bà Nguyễn Thị Thúy H còn nợ ông H, bà L số tiền 86.000.000 đồng, sau đó ông Phạm Ngọc H có trả dần cho ông H, bà L hai lần mỗi lần 2.000.000 đồng với số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, bà H không trả nữa nên ông H, bà L có yêu cầu giải quyết tại ấp B, xã Đ giải quyết nhưng cộng nhầm số tiền là 90.000.000 đồng nhưng thực tế bà H chỉ còn nợ 82.000.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị ệ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Phạm Ngọc H trả cho ông bà số tiền 82.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không đến Tòa án và cũng không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Phạm Ngọc H trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thúy H nhưng từ ngày 03/01/2020 giữa ông và bà H có quyết định ly công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện C số 11/2020/QĐST-HNGĐ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L khởi kiện yêu cầu bà H và ông trả số tiền hụi 82.000.000 đồng ông không đồng ý trả vì ông không biết việc bà H tham gia chơi hụi của ông H, bà L. Sau khi bà H bỏ nhà đi thì ông H, bà L có đến nhà ông tìm bà H để đòi tiền hụi bà H hốt mà không đóng, ông có nói với ông H, bà L sao bà H chơi hụi không cho ông biết, giờ bà H bỏ đi rồi để ông tìm bà H về gặp ông H, bà L nói cho rõ ràng.

Sau khi ông liên hệ với gia đình bà H thì bà H có gởi về nhà bà H 4.000.000 đồng và gởi ông để ông trả cho ông H, bà L. Từ đó bà H không gởi tiền về nữa. Nên ngày 08/12/2019 ông H, bà L có yêu cầu giải quyết tại ấp B, xã Đ yêu cầu bà H và ông trả hụi nhưng ông chỉ nghe số tiền theo trình bày của ông H, bà L chứ ông không biết khoản nợ hụi này và ông có trình bày là ông không biết việc bà H chơi hụi nên không đồng ý trả.

Bà N cho rằng bà H hốt hụi của ông H, bà L vào mục đích sinh hoạt gia đình và buôn bán tại nhà là ông không đồng ý vì bà H buôn bán đồ ăn, thức uống khoảng 7 – 8 năm, cuối năm 2017 ông vay tiền ngân hàng sửa sang tiệm cho bà H buôn bán nên việc bà H chơi hụi sử dụng mục đích gì ông không biết.

Nay ông không đồng ý trả cho ông H, bà L số tiền 82.000.000 đồng vì việc bà H chơi hụi của ông H, bà L ông không biết cũng không nhận tiền hụi của ông H, bà L, giữa ông và bà H đã sống ly thân từ tháng 02/2019, đến tháng 7/2019 âm lịch thì bà H bỏ đi đến ngày 26/12/2019 bà H có về Tòa án nhân dân huyện C ký tên thuận tình ly hôn rồi bỏ đi tiếp đến nay không về.

Tại biên bản ghi lời khai bà Lê Ngọc Như S trình bày:

Bà có biết ông H, bà L không có quan hệ bà con mà bà biết ông H, bà L có tổ chức chơi hụi nên bà có tham gia chơi hụi của ông H, bà L. Bà có biết bà H do khi đi khui hụi có gặp nhau nên biết, ông H thì bà không quen biết.

Bà tham gia 03 dây hụi và trong 03 dây hụi này đều có bà H tham gia chơi. Bà tham gia dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/6/2018 âm lịch, gồm 20 phần, tôi tham gia 01 phần, bà H tham gia 02 phần. Khi tham gia chơi hụi bà L đều phát cho mỗi hụi viên 1 danh sách hụi để biết có bao nhiêu người tham gia trong dây hụi. Dây hụi này bà H đã hốt hết hai phần hụi do hàng tháng khui hụi bà đều có đi nên ai hốt tôi có biết được.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/12/2018 âm lịch, gồm 22 phần, bà tham gia 01 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H đã hốt dây hụi này rồi vào những tháng đầu , hàng tháng bà L tổ chức khui hụi bà đều có đi khui hụi và có gặp bà H.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/6/2019, gồm 19 phần, bà tham gia 01 phần, bà H tham gia 01 phần. Khi bà L khui hụi có nhiều người tham gia nhưng khi khui hụi bà H hốt đầu tiên nhiều người sợ hụi bị bể nên đã rút ra không chơi nên còn 19 phần, dây hụi này bà H hốt đầu tiên khi khui hụi.

Tất cả 03 dây hụi tới tháng 7/2019 trở về sau này khi tổ chức khui hụi không có mặt bà H, lúc đó nhiều người đi khui hụi nói bà H vỡ nợ bỏ đi rồi, bà L cũng nói bà H bỏ đi không đóng hụi chết. Hụi ông H, bà L vẫn tổ chức chơi hụi bình thường và đã choàng tiền hụi chết của bà H không đóng cho các hụi viên. Khi bà L giao tiền cho hụi viên hốt hụi bà L đều yêu cầu hụi viên ký nhận khi nhận tiền hụi nhưng chỉ ghi "tên người nhận tiền có nhận đủ tiền" rồi ký tên mà không ghi cụ thể số tiền và thời gian.

Tại biên bản ghi lời khai ông Võ Thanh T trình bày:

Ông có biết ông H, bà L không có quan hệ bà con mà ông biết ông H, bà L có tổ chức chơi hụi nên ông có tham gia chơi hụi của ông H, bà L. Ông có biết bà H và ông H do bà H có mở quán bán cháo lòng ông hay ghé ăn nên biết. Ông tham gia 02 dây hụi và trong 02 dây hụi này đều có bà H tham gia chơi.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/12/2018 âm lịch, gồm 22 phần, ông tham gia 01 phần, bài H tham gia 01 phần, bà H đã hốt dây hụi này rồi vào những tháng đầu, sau đó nghe nói bà H bỏ đi, không đóng hụi chết.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/6/2019 âm lịch, gồm 19 phần, ông tham gia 01 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H đã hốt hụi rồi, ông có nghe bà L thông báo.

Ông có nghe bà L nói bà H bỏ đi không đóng hụi chết cho bà L, khi bà L giao hụi cho ông thì bà L chàng tiền để bù vào hụi chết không đóng của bà H, còn thời gian cụ thể từ khi nào bà H không đóng hụi chết thì ông không nhớ rõ. Khi bà Lgiao tiền cho hụi viên hốt hụi bà L đều yêu cầu hụi viên ký nhận khi nhận tiền hụi nhưng chỉ ghi "tên người nhận tiền có nhận đủ tiền" rồi ký tên mà không ghi cụ thể số tiền và thời gian.

Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà có biết ông H, bà L không có quan hệ bà con mà bà biết ông H, bà L có tổ chức chơi hụi nên bà có tham gia chơi hụi của ông H, bà L. bài có biết bà H và ông H do ông H do ở gần xóm. Bà tham gia 01 dây hụi và trong dây hụi này có bà H tham gia chơi. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/12/2018 âm lịch, gồm 22 phần, bà tham gia 01 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H đã hốt dây hụi này rồi vào những tháng đầu, hàng tháng khui hụi bà không đi đủ nhưng tháng nào bà có đi thì có gặp bà H, sau đó nghe nói bà H bỏ đi, không đóng hụi chết. Khi bà L tổ chức chơi hụi có phát cho tôi danh sách hụi viên và giao giấy hụi khi tôi hốt, dây hụi này hiện chưa mãn.

Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Bà có biết ông H, bà L không có quan hệ bà con mà bà biết ông H, bà L có tổ chức chơi hụi nên bà có tham gia chơi hụi của ông H, bà L. Bà có biết bà H do khi đi khui hụi có gặp nhau nên biết, ông H thì bà không quen biết. Bà tham gia 03 dây hụi và trong 03 dây hụi này đều có bà H tham gia chơi.

Bà tham gia dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/6/2018 âm lịch, gồm 20 phần, bà tham gia 01 phần, bà H tham gia 02 phần. Khi tham gia chơi hụi bà L đều phát cho mỗi hụi viên 1 danh sách hụi để biết có bao nhiêu người tham gia trong dây hụi. Dây hụi này bà H đã hốt hết hai phần hụi do bà L thông báo khi gom hụi có báo hàng tháng người nào hốt hụi, bà không đi khui hụi

thường xuyên mà có tháng đi tháng không.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/12/2018 âm lịch, gồm 22 phần, bà tham gia 02 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H đã hốt dây hụi này rồi vào những tháng đầu, do bà Lệ đi gom hụi có nói gom hụi để giao cho hụi viên nào.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/6/2019 âm lịch, gồm 19 phần, bà tham gia 02 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H đã hốt dây hụi này rồi cụ thể thời gian bà không nhớ rõ nhưng nghe bà L báo là bà H đã hốt hụi.

Bà có nghe bà L nói bà H bỏ đi không đóng hụi chết cho bà L, khi bà L giao hụi cho bà thì bà L chàng tiền để bù vào hụi chết không đóng của bà H, còn thời gian cụ thể từ khi nào bà H không đóng hụi chết thì bà không nhớ rõ. Khi bà L giao tiền cho hụi viên hốt hụi bà L đều yêu cầu hụi viên ký nhận khi nhận tiền hụi nhưng chỉ ghi "tên người nhận tiền có nhận đủ tiền" rồi ký tên mà không ghi cụ thể số tiền và thời gian.

Tại biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Ông là cha ruột của Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1982, ngụ ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện tại H đi đâu không rõ khoảng 01 năm nay, trước khi bỏ đi H có đưa cho ông hai lần tiền mỗi lần 02 triệu đồng, mỗi lần cách nhau 01 tháng và nhờ ông đưa số tiền 4.000.000 đồng cho Phạm Ngọc H, sinh năm 1976 (chồng cũ của H) để đóng hụi dùm H. Việc đóng hụi cho ai thì ông không rõ nhưng ông có đưa số tiền 4.000.000 đồng cho H dùm H. Từ khi H bỏ đi đến nay không liên lạc hay tin tức gì về nhà nên ông không biết H ở đâu, làm gì; việc H không còn sống chung với H từ thời gian nào thì ông không biết vì H bỏ đi không về nhà ông nữa. Việc tách hộ khẩu của H là do H tách hộ khẩu sang hộ khẩu của ông nhưng thời gian nào ông không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, riêng bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H trả số tiền hụi 64.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Phạm Ngọc H trả số tiền hụi còn nợ 64.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà H.

Đối với người làm chứng bà Lê Thị Ngọc S, ông Võ Thanh T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hồng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị N xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 18.000.000 đồng gồm số tiền 6.000.000 đồng của dây hụi khui ngày 10/12/2018 âm lịch và số tiền 12.000.000 đồng của dây hụi khui ngày 15/6/2019 âm lịch, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Phạm Ngọc H trả số tiền 64.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Việc ông H, bà L có tổ chức chơi hụi vào năm 2018 – 2019 có bà H tham gia chơi hụi trong 03 dây hụi với 04 phần hụi, cụ thể:

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/6/2018 âm lịch, hụi gồm 20 phần, bà H tham gia 02 phần, dây hụi này mãn vào tháng 01/2020 âm lịch. Bà H đã hốt một phần hụi vào kỳ thứ 5 ngày 20/11/2018 âm lịch với số tiền 29.320.000 đồng; và hốt một phần hụi vào kỳ thứ 13 ngày 20/6/2019 âm lịch với số tiền 33.060.000 đồng. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/12/2018 âm lịch, hụi gồm 22 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hụi này mãn vào tháng 08/2020 âm lịch (do có nhuần tháng 04/2020 âm lịch), bà H đã hốt phần hụi vào kỳ thứ 3 ngày 10/02/2019 âm lịch với số tiền 32.880.000 đồng. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/6/2019 âm lịch, hụi gồm 19 phần, bà H

tham gia 01 phần, dây hụi này mãn vào tháng 11/2020 âm lịch (do có nhuần tháng 4/2020 âm lịch), bà H đã hốt phần hụi vào kỳ thứ 1 ngày 15/6/2019 âm lịch với số tiền 24.480.000 đồng. Mỗi phần hụi bà H hốt bà L trừ ra 1.000.000 đồng tiền hoa hồng cho bà L, sau khi hốt hết bốn phần hụi bà H có đóng hụi chết cho ông H, bà L đến tháng 7/2019 âm lịch rồi ngưng không đóng nữa.

Do bà H không đóng hụi chết từ tháng 7/2019 âm lịch nên ông H, bà L đã khởi kiện bà H và ông H. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía ông H, bà L đã cung cấp cho Tòa án danh sách hụi viên tham gia chơi hụi có tên bà H, giấy giao tiền hụi và thống nhất với lời trình bày của người làm chứng về việc bà H có tham gia chơi hụi, đã hốt hụi và không đóng hụi chết cho ông H, bà L. Đối với giấy nhận tiền hụi có nội dung "*H đã nhận đủ tiền*" có chữ ký của bà H nhưng không ghi họ, tên, không thể hiện thời gian và số tiền mà bà H đã nhận, do đó, Tòa án không sử dụng giấy nhận tiền hụi này làm chứng cứ chứng minh.

Phía bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H không đến Tòa án cũng không gởi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy bà H đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Tính đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện ngày 28/7/2020 tức ngày 08/6/2020 âm lịch thì: dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/6/2018 âm lịch đã mãn vào tháng 01/2020 âm lịch bà H còn nợ ông H, bà L số tiền 24.000.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/12/2018 âm lịch bà H còn nợ ông H, bà L số tiền 22.000.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 15/6/2019 âm lịch bà H còn nợ ông H, bà Lệ số tiền 22.000.000 đồng. Tổng cộng ba dây hụi bà H còn nợ ông H, bà L số tiền 68.000.000 đồng nhưng phía ông H có trả cho ông H, bà L được 4.000.000 đồng còn nợ lại 64.000.000 đồng.

Từ tháng 7/2019 âm lịch đến nay bà H không đóng hụi chết cho bà L, ông H là vi phạm trách nhiệm của thành viên không góp họ theo quy định Điều 24 của Nghị quyết số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà H còn nợ ông H, bà L số tiền hụi chết 64.000.000 đồng, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho ông H, bà L số tiền 64.000.000 đồng.

[4.3] Tính từ ngày 28/7/2020 đến ngày mãn hụi đối với dây hụi khui ngày 10/12/2018 âm lịch, hụi mãn vào ngày 10/8/2020 âm lịch thì bà H còn nợ ông H, bà L số tiền 6.000.000 đồng; dây hụi khui ngày 15/6/2019 âm lịch, hụi mãn vào ngày 15/11/2020 âm lịch thì bà H còn nợ ông H, bà L số tiền tiền 12.000.000 đồng. Số tiền hụi chết này ông H, bà L có quyền khởi kiện bà H khi hụi đã mãn.

[4.4] Xét yêu cầu của ông H, bà L yêu cầu ông H liên đới cùng bà H trả số tiền hụi chết 64.000.000 đồng cho ông H, bà L vì bà H hốt hụi để dùng vào sinh hoạt gia đình và phục vụ cho việc buôn bán, ngoài ra sau khi bà H bỏ đi thì ông H có trả cho ông H, bà L số tiền 4.000.000 đồng. Phía ông H không đồng ý liên đới cùng bà H trả số tiền 64.000.000 đồng cho ông H, bà L vì ông H không biết việc bà H tham gia chơi hụi của ông H, bà L, ông H không có nhận tiền hụi và không đóng hụi cho ông H, bà L; ông H cũng có công việc có thu nhập ổn định từ năm 2007 đến nay; hiện tại bà H và ông H đã thuận tình ly hôn vào ngày 03.01.2020 và thống nhất không có nợ chung. Phía ông H, bà L không có chứng cứ nào chứng minh việc ông H biết bà H có tham gia chơi hụi và bà Hằng sử dụng tiền hốt hụi và sinh hoạt gia đình và buôn bán. Việc ông H trả cho ông H, bà L số tiền 4.000.000 đồng là do bà H gởi về cho cha ruột là ông Nguyễn Hồng Đ để ông Đ đưa cho ông H trả cho ông H thống nhất với lời trình bày của ông Đ.

Hơn nữa qua xác minh tại địa phương thì nhà của ông H đang ở được xây dựng từ năm 2009 và quán ăn uống được xây dựng từ khoảng cuối năm 2017 do bà H kinh doanh, buôn bán. Cho thấy việc bà H buôn bán đã có trước khi tham gia hụi của ông H, bà L; sinh hoạt gia đình của bà H không phụ thuộc vào công việc của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H, bà L yêu cầu ông H liên đới cùng bà H trả số tiền hụi chết 64.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[4.5] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H, bà L không yêu cầu bà H trả tiền lãi.

[4.6] Về thời gian trả tiền: Ông H, bà L yêu cầu bà H trả số tiền hụi chết 64.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở vì bà H đã phạm nghĩa vụ đóng hụi chết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, bà L nên Hội đồng xét xử buộc bà H có nghĩa vụ trả cho ông H, bà L số tiền 64.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L được Tòa án chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật tố tụng và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 24, Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đối với số tiền 18.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Phạm Ngọc H liên đới cùng bà Nguyễn Thị Thúy H trả số tiền 64.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Thúy H không trả số tiền trên thì hàng tháng bà H phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 3.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L 2.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003389 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Báo đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân